TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/04/2023.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hạnh.

Bà Nguyễn Thị Xuân Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nho Bình – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Ngô Thu T** - sinh năm: 1990.

ĐKHKTT và trú tại: Lô đất A, khu B, tổ C, phường M, quận C, Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Anh Đỗ Ngọc H** – sinh năm 1980.

ĐKHKTT: Lô đất A, khu B, tổ C, phường M, quận C, Hà Nội. Vắng mặt.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/3/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thu T kết hôn với anh Đỗ Ngọc H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận C, thành phố Hà Nội vào ngày 15/09/2010. Quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ngoài ra anh H còn sử dụng ma túy. Năm 2015, 2017 anh H bị Tòa án nhân dân quận B và Tòa

án nhân dân quận N xét xử về tội Mua bán trái phép ma túy. Hiện nay, anh H đang bị Công an quận Cầu Giấy tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Anh H và chị T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Hải A (giới tính: Nữ, sinh ngày 03/11/2011) và cháu Đỗ Việt A (giới tính: Nam, sinh ngày 11/5/2013). Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con. Không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị T, anh H không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị T và anh H không vay nợ ai và cho ai vay nợ.

Bị đơn anh Đỗ Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trong bản tự khai và đơn đề nghị cùng đề ngày 29/03/2023 và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn là anh Đỗ Ngọc H thống nhất quan điểm với chị T về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn.

Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Nay, chị T xin ly hôn, anh H đồng ý. Anh H có đơn xin xử vắng mặt.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Hải A (sinh ngày 03/11/2011) và cháu Đỗ Việt A (sinh ngày 11/5/2013). Ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi cả hai con. Hiện các con anh chị đã lớn mong tòa cho các cháu được quyền ở với Bố hay Mẹ hay với ông bà nội ngoại.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T nhất trí xử vắng mặt anh H và xin được ly hôn với anh H vì xác định vợ chồng không còn tình cảm. Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Hải A và cháu Đỗ Việt A. Ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con. Không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng chị T, anh H không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về vay nợ: Chị T và anh H không vay nợ ai và cho ai vay nợ. Về án phí: Chị T chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ

theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thu T, chị Ngô Thu T được ly hôn với anh Đỗ Ngọc H.

2. Về con chung: Ly hôn giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Đỗ Hải A (sinh ngày 03/11/2011) và cháu Đỗ Việt A (sinh ngày 11/5/2013). Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Ngô Thu T và anh Đỗ Ngọc H không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

4. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đỗ Ngọc H là bị đơn có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại Lô đất A, khu B, tổ C, phường M, quận C, Hà Nội trước khi đi bị tạm giam theo lệnh giam của Công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Cầu Giấy.

Đối với việc xét xử vắng mặt của anh H tại phiên tòa, do điều kiện anh đang bị tạm giam về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy hơn nữa anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H sống chung và đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2010 tại UBND phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Vậy quan hệ hôn nhân của chị Ngô Thu T và anh Đỗ Ngọc H là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng chị T và anh H hoà thuận hạnh phúc được một thời gian sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ năm 2017 cho tới nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Hiện anh H đang bị tạm giam về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản thân chị T và anh H đều thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh H, anh H đồng ý.

Xét mục đích hôn nhân của anh H và chị T không đạt được, nguyện vọng xin ly hôn anh H của chị T là chính đáng, đúng qui định của pháp luật nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Hải A (giới tính: Nữ; sinh ngày 03/11/2011) và cháu Đỗ Việt A (giới tính: Nam; sinh ngày 11/5/2013). Theo quy định tại Điều 81 – Luật hôn nhân gia đình, sau khi ly hôn cha mẹ có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung, ý kiến của anh H để nghị để hai con chung của anh chị ở ông bà nội ngoại là không phù hợp quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con. Anh H có nguyện vọng nuôi cả hai con. Xét việc giao con chưa thành niên cho Bố Mẹ trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của con. Trong vụ án này hai con chung của anh H, chị T là cháu Đỗ Hải A (12 tuổi) và cháu Đỗ Việt A (10 tuổi) đều có nguyện vọng ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, bản thân anh H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội, anh H không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét điều kiện hiện nay cũng như nguyện vọng của chị T, nguyện vọng của cháu Đỗ Việt A và cháu Đỗ Hải A, nên giao cháu Đỗ Hải A và cháu Đỗ Việt A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi của hai cháu và phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, mặc khác hiện anh H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội, anh H không có khả năng đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Vậy tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi các bên có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Ngô Thu T và anh Đỗ Ngọc H không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về công nợ chung: Chị Ngô Thu T và anh Đỗ Ngọc H không vay nợ ai và cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Khoản 2 Điều 81; Khoản 2 khoản 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thu T. Chị Ngô Thu T được ly hôn với anh Đỗ Ngọc H.

2. Về con chung: Chị Ngô Thu T và anh Đỗ Ngọc H có 02 con chung là cháu Đỗ Hải A (giới tính: Nữ; sinh ngày 03/11/2011) và cháu Đỗ Việt A(giới tính:

Nam; sinh ngày 11/5/2013). Ly hôn giao hai cháu Đỗ Hải A và cháu Đỗ Việt A cho chị Ngô Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đỗ Ngọc H đến khi các bên có có yêu cầu.

Anh Đỗ Ngọc H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Ngô Thu T và anh Đỗ Ngọc H không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về công nợ chung: Chị Ngô Thu T và anh Đỗ Ngọc H xác nhận không vay nợ ai và cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Ngô Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số 0019267 ngày 13/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Án xử công khai sơ thẩm, Chị Ngô Thu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Ngọc H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- UBND phường M, quận C, Hà Nội
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Hương